

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021
DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT - ĐỢT GIA HẠN/ĐỢT 2**

Ngành: CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH - Mã ngành: 7540104

Ngành: CÔNG NGHỆ SINH HỌC - Mã ngành: 7420201

Ngành: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - Mã ngành: 7540101

Ngành: NÔNG HỌC - Mã ngành: 7620109

Ngành: SINH HỌC (SINH HỌC THÔNG MINH) - Mã ngành: 7420101

STT	SBD	Mã ngành	Tên ngành	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Mã Tỉnh	Mã Huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1	TDL020337	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	Nguyễn Huỳnh Phương An	03/05/1999	Nữ	42	11		1	22.85	
2	TDL020355	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	Phan Thị Mỹ Tâm	12/07/2003	Nữ	42	12		1	18.65	
3	TDL020469	7420201	Công nghệ sinh học	Lê Thị Kim Anh	09/08/2003	Nữ	42	03		1	23.65	
4	TDL020583	7420201	Công nghệ sinh học	Tôn Thất Quốc Anh	02/12/2003	Nam	42	01		1	20.85	
5	TDL020314	7420201	Công nghệ sinh học	Chu Thị Tuyết Chinh	11/09/2003	Nữ	42	03		1	23.65	
6	TDL020189	7420201	Công nghệ sinh học	Trần Ngọc Diệp	28/11/2003	Nữ	53	03		2	21.90	
7	TDL020581	7420201	Công nghệ sinh học	Đặng Thanh Hòa	29/08/2003	Nam	42	09		1	18.65	
8	TDL020532	7420201	Công nghệ sinh học	Nông Thị Huệ	12/11/2003	Nữ	40	04	01	1	22.55	
9	TDL020371	7420201	Công nghệ sinh học	Nguyễn Thị Kiều Linh	26/02/2003	Nữ	42	03		1	22.35	
10	TDL020506	7420201	Công nghệ sinh học	Trần Hà Nguyên Long	03/05/2003	Nam	42	01		1	21.55	
11	TDL020346	7420201	Công nghệ sinh học	Nguyễn Thái Phong	25/11/2003	Nam	48	03		1	20.05	
12	TDL020079	7420201	Công nghệ sinh học	Đào Thị Như Quỳnh	31/03/2003	Nữ	01	26		1	21.55	
13	TDL020441	7420201	Công nghệ sinh học	Đỗ Ngọc Thạch	02/02/2003	Nam	42	02		1	21.85	
14	TDL020448	7420201	Công nghệ sinh học	Phùng Thị Phương Thảo	22/07/2003	Nữ	42	10		1	21.95	
15	TDL020005	7420201	Công nghệ sinh học	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	24/08/2003	Nữ	42	05		1	21.95	
16	TDL020270	7540101	Công nghệ thực phẩm	Lê Thị Thanh Hồng Hậu	14/02/2003	Nữ	42	10		1	22.25	
17	TDL020210	7540101	Công nghệ thực phẩm	Hồ Trung Khôi	27/10/2003	Nam	42	05		1	20.25	
18	TDL020067	7540101	Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Hoàng Mai Thanh	17/01/2002	Nữ	42	01		1	21.45	
19	TDL020249	7620109	Nông học	Phạm Tuấn Anh	28/07/2002	Nam	25	07		1	19.05	
20	TDL020505	7620109	Nông học	Lương Ngọc Quốc Bảo	08/06/2003	Nam	42	03		1	22.85	
21	TDL020237	7620109	Nông học	Bàn Thị Ngọc Bích	14/09/2003	Nữ	42	12	01	1	23.40	
22	TDL020039	7620109	Nông học	Nguyễn Trần Hương Dương	05/08/2003	Nữ	42	01		1	26.45	
23	TDL020320	7620109	Nông học	Võ Nhật Hà	28/04/2003	Nữ	42	03		1	20.45	
24	TDL020392	7620109	Nông học	Trần Chúc Hạ	26/08/2003	Nam	53	03		2NT	23.50	
25	TDL020218	7620109	Nông học	Nguyễn Trần Gia Huy	06/05/2003	Nam	02	11		1	22.55	
26	TDL020520	7620109	Nông học	Huỳnh Thanh Diệu Ngân	01/11/2003	Nữ	41	01		1	19.05	
27	TDL020429	7620109	Nông học	Nguyễn Thị Ái Nhi	07/06/2003	Nữ	47	02		2NT	25.50	
28	TDL020460	7620109	Nông học	Huỳnh Công Phát	28/01/2003	Nam	42	05		1	27.15	
29	TDL020071	7620109	Nông học	Phạm Ngọc Sương	07/05/2003	Nữ	42	03		1	21.65	
30	TDL020082	7620109	Nông học	Đình Quang Thái	07/08/2003	Nam	42	05		1	20.05	
31	TDL020484	7620109	Nông học	Phan Thị Thiên	25/07/2003	Nữ	29	10		1	22.75	
32	TDL020411	7620109	Nông học	Phạm Thành Trung	18/01/2003	Nam	42	11		1	23.55	
33	TDL020533	7420101	Sinh học (Sinh học thông minh)	Phạm Thúy Vũ	17/10/2003	Nữ	35	06		3	24.80	

Tổng danh sách: 33 thí sinh